

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/vtranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Duy Khoa;
- Bà Lương Thị Mai Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng; địa chỉ trụ sở: Số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Sacombank.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Lầu 6; 287 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường XH, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 5908 ngày 20/8/2024); Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố Nam, khu vực Phục Lễ, phường NT, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 10/04/2012, ông Tuấn có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Sacombank) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông

Tuấn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ Visa Credit Classic 3332615404, thẻ Family Local Credit 3868171798 với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.900.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tuấn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 16.157.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tuấn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Tuấn (cụ thể thẻ Visa Credit Classic 3332615404 ngày 11/07/2014, thẻ Family Local Credit 3868171798 ngày 23/07/2014) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 25/09/2025, ông Tuấn còn nợ tổng số tiền 128,671,442 đồng (trong đó: dư nợ quá hạn 21.175.799 đồng; lãi quá hạn 107.495.643 đồng), cụ thể như sau:

Đối với Thẻ Visa Credit Classic số 3332615404: dư nợ quá hạn là 827.351 đồng; lãi quá hạn 3.640.455, tổng dư nợ: 4,467.806 đồng.

Đối với Thẻ Family Local Credit số 3868171798: dư nợ quá hạn là 20,348,448 đồng; lãi quá hạn là 103.855.188 đồng, tổng dư nợ: 124.203.636 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Tuấn có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Tuấn vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng kính đề Toà án giải quyết: Buộc Ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2025 là 128.408.192 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng) trong đó: Dư nợ quá hạn: 21.175.799 đồng; Lãi quá hạn: 107.495.643 đồng và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/09/2025 cho đến khi trả xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 107/TB-TA ngày 18/8/2025 và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 42/TB/TA ngày 288/2025, bị đơn không có trình bày quan điểm, ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp bản sao: các Hợp đồng thẻ tín dụng; điều lệ ngân hàng Sacombank; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, thống kê lịch sử trả nợ..v.v. để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ khác. Về nội dung vụ án: nguyên đơn giữ nguyên các quan điểm trình bày ban đầu vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ.

Thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng ngày 10/04/2012, ông Tuấn đã được ngân hàng cấp thẻ tín dụng mã số: Visa Credit Classic 3332615404, thẻ Family Local Credit 3868171798 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng và được ngân hàng đáp ứng đúng nghĩa vụ giải ngân và các dịch vụ thẻ của mình, ông Tuấn đã nhiều lần rút tiền qua thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.900.000 đồng. Tuy nhiên, ông Tuấn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận và sau nhiều lần thông báo, nhắc nhở cho nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, Visa Credit Classic 3332615404 chấm dứt vào ngày 11/7/2014, thẻ Family Local Credit 3868171798 chấm dứt vào ngày 23/7/2014 đồng thời các khoản vay bị chuyển nợ quá hạn kể từ những ngày đó cho đến nay. Đến ngày 25/9/2025, bị đơn đã trả các khoản tổng số tiền 16.157.000 đồng theo đúng quy định của các Hợp đồng, ông Tuấn còn nợ gốc phải trả là 21.175.799 đồng, lãi quá hạn là 107.495.643 đồng và yêu cầu tính nợ lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo đúng thỏa thuận ký kết trong Hợp đồng tín dụng giữa hai bên.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu ông Tuấn thanh toán cho ngân hàng theo đúng hợp đồng thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên, ông Tuấn không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng. Do ông Tuấn đã vi phạm thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 25/9/2025 là 128.671.442 đồng; trong đó nợ gốc là 21.175.799 đồng, lãi quá hạn là 107.495.643 đồng và tính lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi ông Tuấn trả hết nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông T.

Xét việc thỏa thuận và ký hợp đồng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Gọi tắt là Hợp đồng) vào ngày 10/04/2012, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng mã số: Visa Credit Classic 3332615404, thẻ Family Local Credit 3868171798 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân riêng ông Tuấn giữa ngân hàng với ông T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của ngân hàng là bên cho vay với bên vay là ông Tuấn là hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên,

không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thẻ tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, ông Tuấn đã nhận số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 16.157.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến thời điểm như sau: Visa Credit Classic 3332615404 chấm dứt sử dụng thẻ vào ngày 11/7/2014, thẻ Family Local Credit 3868171798 chấm dứt sử dụng thẻ vào ngày 23/7/2014 đồng thời các khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại vi phạm tức mức lãi suất: Đối với Visa Credit Classic 3332615404 là $(2.15\% \times 150\%) = 3.225\%/tháng$; đối với Family Local Credit 3868171798 là $(2.50\% \times 150\%) = 3.75\%/tháng$.

Việc ông Tuấn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng đối với các hợp đồng thẻ tín dụng vào ngày 10/04/2012 và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo thỏa thuận đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là ông Tuấn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc ông T phải thanh toán số tiền là tính đến hết ngày 25/9/2025 là **128.671.442** đồng; trong đó nợ gốc là 21.175.799 đồng, lãi quá hạn là 107.495.643 đồng và lãi, phí phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi ông Tuấn trả hết nợ.

[3] Về áp dụng pháp luật, 02 hợp đồng thẻ tín dụng được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự) có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103, 107 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến hết ngày 25/9/2025 là **128.671.442** đồng; trong đó nợ gốc là 21.175.799 đồng, lãi quá hạn là 107.495.643 đồng.

Kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông T có nghĩa vụ nộp 6.433.572 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 2.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0002693 ngày 11/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu (Nay là Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng
- VKSND Khu vực 1- Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân

